

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thuận	Thành viên
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thái Tuấn Tài và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Số: 295 /VNIA - HC - BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



Và Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 1529-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>167.581.747.963</b>	<b>158.264.817.082</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>54.815.444.779</b>	<b>23.885.713.980</b>
1. Tiền	111		42.950.536.896	9.814.725.580
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.864.907.883	14.070.988.400
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>84.975.824.373</b>	<b>104.987.687.099</b>
1. Phải thu khách hàng	131		77.014.076.277	105.595.111.823
2. Trả trước cho người bán	132		14.724.708.915	5.687.128.566
3. Các khoản phải thu khác	135		326.979.050	326.870.811
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.089.939.869)	(6.621.424.101)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>20.809.285.499</b>	<b>22.264.593.924</b>
1. Hàng tồn kho	141		20.809.285.499	22.264.593.924
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.981.193.312</b>	<b>7.126.822.079</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		160.326.302	108.291.490
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	6.820.867.010	7.018.530.589
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>29.924.962.005</b>	<b>29.973.094.382</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.943.105.591</b>	<b>23.452.735.862</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	9.192.891.019	10.727.817.306
- Nguyên giá	222		33.299.861.804	36.547.420.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.106.970.785)	(25.819.602.878)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	12.040.107.435	12.413.728.276
- Nguyên giá	228		14.352.403.711	16.030.208.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.312.296.276)	(3.616.480.135)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		710.107.137	311.190.280
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.770.790.000</b>	<b>4.670.790.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	5.770.790.000	4.670.790.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.211.066.414</b>	<b>1.849.568.520</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.058.066.414	1.696.568.520
2. Tài sản dài hạn khác	268		153.000.000	153.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>197.506.709.968</b>	<b>188.237.911.464</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>130.054.258.986</b>	<b>125.491.580.126</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>130.054.258.986</b>	<b>125.491.580.126</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	300.000.000	3.288.826.179
2. Phải trả người bán	312		2.769.756.325	4.652.797.533
3. Người mua trả tiền trước	313		45.751.363.925	38.898.660.011
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.401.434.040	11.491.685.373
5. Phải trả người lao động	315		46.447.482.586	38.648.386.149
6. Chi phí phải trả	316		8.241.152.343	10.756.779.287
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	12.835.927.800	15.843.512.527
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.307.141.967	1.910.933.067
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>67.452.450.982</b>	<b>62.746.331.338</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>67.452.450.982</b>	<b>62.746.331.338</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33.810.000.000	33.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	(140.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.267.005.929	13.043.345.835
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.866.059.240	3.704.059.240
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.464.525.813	12.144.066.263
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>197.506.709.968</b>	<b>188.237.911.464</b>

*Thuy*

*[Signature]*



Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu

Phạm Hoàng Vinh  
Trưởng phòng Tài chính Kế Toán

Trần Văn Tuấn Tài  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

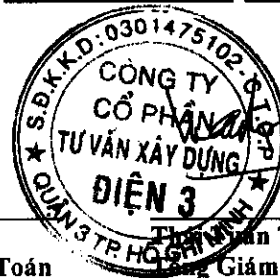
**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu gộp về cung cấp dịch vụ	01		178.105.197.456	192.566.931.517
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		178.105.197.456	192.566.931.517
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		137.237.037.324	149.228.354.862
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40.868.160.132	43.338.576.655
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.248.369.669	1.134.684.817
6. Chi phí tài chính	22	18	190.619.547	391.963.496
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		105.950.460	388.675.361
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.550.005.126	26.764.649.583
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		13.375.905.128	17.316.648.393
9. Thu nhập khác	31		4.174.465.471	795.059.563
10. Chi phí khác	32		2.262.189.505	1.973.635.870
11. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40	19	1.912.275.966	(1.178.576.307)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.288.181.094	16.138.072.086
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	4.348.582.450	3.994.005.823
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.939.598.644	12.144.066.263
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	<b>3.236</b>	<b>3.437</b>

*Thuc*

*[Signature]*



Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu

Phạm Hoàng Vinh  
Trưởng phòng Tài chính Kế Toán

Phạm Hoàng Vinh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.288.181.094</b>	<b>16.138.072.086</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.869.864.899	1.775.690.330
Các khoản dự phòng	03	468.515.768	1.975.074.288
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	76.110.924	(524.927.169)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(975.764.306)	(598.733.377)
Chi phí lãi vay	06	105.950.460	388.675.361
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.832.858.839</b>	<b>19.153.851.519</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	19.733.625.037	(26.657.774.761)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.405.664.586	7.710.564.511
Thay đổi các khoản phải trả	11	11.453.941.356	11.514.049.665
Thay đổi chi phí trả trước	12	(361.497.894)	389.048.764
Tiền lãi vay đã trả	13	(105.950.460)	(388.675.361)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.395.086.312)	(3.746.244.832)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.100.000	132.382.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.807.591.100)	(4.086.991.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>43.758.064.052</b>	<b>4.020.210.005</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.369.985.493)	(2.445.582.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	(130.642.314)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.100.000.000)	(100.000.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.111.255.869	598.733.377
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.489.371.938)</b>	<b>(1.946.849.123)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	9.261.727.846
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.988.826.179)	(8.948.686.761)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(8.269.074.900)	(3.453.048.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.257.901.079)</b>	<b>(3.140.006.915)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>31.010.791.035</b>	<b>(1.066.646.033)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>23.885.713.980</b>	<b>24.946.433.456</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(81.060.236)	5.926.557
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>54.815.444.779</b>	<b>23.885.713.980</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

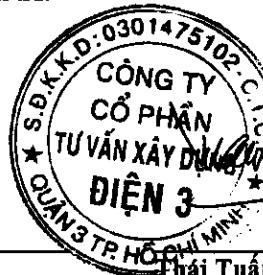
**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 0 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 54.545.455 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 3.811.509.100 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 7.009.105.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu

Phạm Hoàng Vinh  
Trưởng phòng Tài chính Kế Toán



Phái Tuấn Tài  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

0-002  
HÀNH  
TY  
HỮU  
ITTE  
NAM  
HỒ C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 527 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 620 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung.

**Hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng ;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình xây dựng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập hồ sơ: đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình;
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo của văn phòng Công ty và các đơn vị kế toán trực thuộc. Giao dịch và số dư nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

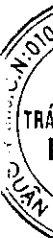
Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Số năm**

Nhà xưởng và vật kiến trúc  
Máy móc thiết bị  
Thiết bị văn phòng  
Phương tiện vận tải

25  
3 - 5  
3 - 6  
6 - 10

12  
HI  
CƠ  
NH  
EL  
TẾ  
/ /

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

**Ghi nhận doanh thu**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

10-0  
HÁN  
G T  
M HU  
TT  
NAI  
HO

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	10.969.260	191.644.695
Tiền gửi ngân hàng	42.939.567.636	9.623.080.885
Các khoản tương đương tiền	11.864.907.883	14.070.988.400
	<u><b>54.815.444.779</b></u>	<u><b>23.885.713.980</b></u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất 6%/năm cho khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, lãi suất 0,25%/năm cho khoản tiền gửi bằng Đồng Đô la Mỹ và lãi suất 1,2%/năm cho khoản tiền gửi bằng Đồng Euro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	151.227.395	153.386.164
Công cụ, dụng cụ	1.786.197	2.808.017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.656.271.907	22.108.399.743
	<u><b>20.809.285.499</b></u>	<u><b>22.264.593.924</b></u>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các dự án.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	7.737.893.922	11.577.639.196	13.698.453.332	3.533.433.734	36.547.420.184
Tăng trong năm	-	135.823.181	-	32.700.000	168.523.181
Thanh lý	-	(73.834.458)	(337.031.455)	-	(410.865.913)
Phân loại lại (*)	-	(1.811.894.061)	(312.497.772)	(880.823.815)	(3.005.215.648)
Tại ngày 31/12/2013	<u>7.737.893.922</u>	<u>9.827.733.858</u>	<u>13.048.924.105</u>	<u>2.685.309.919</u>	<u>33.299.861.804</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	2.416.634.970	9.193.685.633	11.275.350.883	2.933.931.392	25.819.602.878
Khấu hao trong năm	321.642.000	509.422.565	404.938.508	243.530.860	1.479.533.933
Thanh lý	-	(73.834.458)	(332.182.206)	-	(406.016.664)
Phân loại lại (*)	-	(1.709.169.929)	(225.185.213)	(851.794.220)	(2.786.149.362)
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.738.276.970</u>	<u>7.920.103.811</u>	<u>11.122.921.972</u>	<u>2.325.668.032</u>	<u>24.106.970.785</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>4.999.616.952</b></u>	<u><b>1.907.630.047</b></u>	<u><b>1.926.002.133</b></u>	<u><b>359.641.887</b></u>	<u><b>9.192.891.019</b></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>5.321.258.952</b></u>	<u><b>2.383.953.563</b></u>	<u><b>2.423.102.449</b></u>	<u><b>599.502.342</b></u>	<u><b>10.727.817.306</b></u>

(\*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.574.651.453 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 14.960.216.087 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	11.928.525.992	1.740.117.698	2.361.564.721	16.030.208.411
Tăng trong năm	-	748.000.000	-	748.000.000
Phân loại lại (*)	-	(64.239.979)	(2.361.564.721)	(2.425.804.700)
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.928.525.992</u>	<u>2.423.877.719</u>	<u>-</u>	<u>14.352.403.711</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	528.384.717	1.671.156.586	1.416.938.832	3.616.480.135
Khấu hao trong năm	97.061.604	76.792.596	216.476.766	390.330.966
Phân loại lại (*)	-	(61.099.227)	(1.633.415.598)	(1.694.514.825)
Tại ngày 31/12/2013	<u>625.446.321</u>	<u>1.686.849.955</u>	<u>-</u>	<u>2.312.296.276</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>11.303.079.671</u></u>	<u><u>737.027.764</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>12.040.107.435</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>11.400.141.275</u></u>	<u><u>68.961.112</u></u>	<u><u>944.625.889</u></u>	<u><u>12.413.728.276</u></u>

(\*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.574.877.719 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 1.628.517.698 đồng).

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000
	<u><u>5.770.790.000</u></u>	<u><u>4.670.790.000</u></u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn vào:

- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn là 8,16% vốn điều lệ; và
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung với tỷ lệ 0,036% vốn điều lệ.

Hiện tại, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có khoản tổn thất đáng kể nào đối với khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay tín chấp từ các nhân viên Công ty theo các Hợp đồng huy động vốn số 05/HĐHĐV-2013 ngày 15 tháng 9 năm 2013, số 06/HĐHĐV-2013 ngày 15 tháng 9 năm 2013. Thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất là 6,5%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc và thanh toán lãi vay vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	8.978.701.120	7.932.018.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.371.549.838	3.418.053.700
Thuế thu nhập cá nhân	51.183.082	141.613.648
	<u><b>12.401.434.040</b></u>	<u><b>11.491.685.373</b></u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo từng loại thuế trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.932.018.025	14.429.209.804	13.382.526.709	8.978.701.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.418.053.700	4.348.582.450	4.395.086.312	3.371.549.838
Thuế thu nhập cá nhân	33.322.158	2.085.453.576	2.227.918.954	(109.143.220)
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	4.671.014	4.671.014	-
Thuế khác	-	1.471.817.340	1.471.817.340	-
Các khoản nộp phạt	-	447.974.076	447.974.076	-
	<u><b>11.383.393.883</b></u>	<u><b>22.787.708.260</b></u>	<u><b>21.929.994.405</b></u>	<u><b>12.241.107.738</b></u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	108.291.490			160.326.302
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	11.491.685.373			12.401.434.040

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	2.347.728.358	3.643.109.270
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	74.610.891	144.557.701
Cổ tức phải trả	3.811.509.100	7.009.105.000
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	2.833.197.436	2.758.798.002
Phải trả khác	3.768.882.015	2.287.942.554
	<u><b>12.835.927.800</b></u>	<u><b>15.843.512.527</b></u>

002  
 ANH  
 TY  
 HUU  
 TT  
 NAM  
 OC

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>3.380.986</u>	<u>3.380.986</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty năm 2013 và 2012 là 33.810.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số vốn đã góp <u>VND</u>	Tỷ lệ <u>(%)</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	4.221.390.000	12,49
Cổ đông khác	<u>13.097.040.000</u>	<u>38,73</u>
<b>Tổng</b>	<b><u>33.810.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	654.377.899	5.979.250.722	2.519.059.240	17.411.067.113	60.418.614.974
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(654.377.899)	-	-	-	(654.377.899)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.144.066.263	12.144.066.263
Trích lập quỹ	-	-	-	-	7.064.095.113	1.275.000.000	(10.649.095.113)	(2.310.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>-</b>	<b>13.043.345.835</b>	<b>3.704.059.240</b>	<b>12.144.066.263</b>	<b>62.746.331.338</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10.939.598.644	10.939.598.644
Trích lập quỹ	-	-	-	-	4.223.660.094	1.162.000.000	(6.547.660.094)	(1.162.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.071.479.000)	(5.071.479.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>-</b>	<b>17.267.005.929</b>	<b>4.866.059.240</b>	<b>11.464.525.813</b>	<b>67.452.450.982</b>

Theo Nghị quyết số 075/NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức năm 2012 với số tiền là 5.071.479.000 đồng, trong đó 40.844.775 đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt, 5.030.634.225 đồng đã được thanh toán qua ngân hàng tính đến 31 tháng 12 năm 2013.

- Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 4.223.660.094 đồng, 1.162.000.000 đồng và 1.162.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế điện và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.986.971.273	1.959.945.511
Chi phí nhân công	103.700.939.672	102.869.675.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.869.864.899	1.775.690.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.218.186.756	56.861.281.334
Chi phí khác	7.277.555.299	7.641.396.486
	<u><u>162.053.517.899</u></u>	<u><u>171.107.988.828</u></u>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.089.455.869	598.733.377
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	524.927.169
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.113.800	11.024.271
Cổ tức nhận được	21.800.000	-
	<u><u>1.248.369.669</u></u>	<u><u>1.134.684.817</u></u>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lãi vay	105.950.460	388.675.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.558.163	3.288.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	76.110.924	-
	<u><u>190.619.547</u></u>	<u><u>391.963.496</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. LỢI NHUẬN/(LỖ) TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	130.642.314	-
Lương khoán chi trả thừa của những năm trước	-	401.272
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	772.089.080
Thu khác	4.043.823.157	22.569.211
	<u>4.174.465.471</u>	<u>795.059.563</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	4.849.249	-
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và chi phí sau nghiệm thu	1.810.561.017	1.550.427.209
Phạt do chậm tiến độ	-	246.810.486
Chi khác	446.779.239	176.398.175
	<u>2.262.189.505</u>	<u>1.973.635.870</u>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác</b>	<b><u>1.912.275.966</u></b>	<b><u>(1.178.576.307)</u></b>

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.288.181.094	16.138.072.086
Trừ: Các khoản lợi nhuận không chịu thuế	(2.033.235.255)	(343.561.366)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	970.339.404	181.512.572
Thu nhập chịu thuế	14.225.285.243	15.976.023.292
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.556.321.311	3.994.005.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp những năm trước	792.261.139	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>4.348.582.450</u></b>	<b><u>3.994.005.823</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.939.598.644	12.144.066.263
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(524.927.169)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.939.598.644	11.619.139.094
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.380.986	3.380.986
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.236</u></b>	<b><u>3.437</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.374.545.456</u>	<u>1.494.545.455</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.374.545.455	1.374.545.455
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.749.090.909	-
	<u><b>4.123.636.364</b></u>	<u><b>1.374.545.455</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.815.444.779	23.885.713.980
Phải thu khách hàng	69.924.136.408	98.973.687.722
Các khoản ký quỹ	153.000.000	153.000.000
	<u><b>124.892.581.187</b></u>	<u><b>123.012.401.702</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	300.000.000	3.288.826.179
Phải trả người bán và phải trả khác	6.581.265.425	11.661.902.533
Chi phí phải trả	8.241.152.343	10.756.779.287
	<u><b>15.122.417.768</b></u>	<u><b>25.707.507.999</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ phải trả</b>	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ "USD"	10.128.533.556	3.811.506.046	149.555.905	2.014.413.255
Euro "EUR"	374.286.462	350.734.090	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	199.579.553	35.941.856
EUR	<u>7.485.729</u>	<u>7.014.682</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay vì phần lớn các khoản vay của Công ty được ký kết với cá nhân với mức lãi suất cố định. Ngoài ra, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng được thể hiện ở số dư tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.815.444.779	-	54.815.444.779
Phải thu khách hàng	69.924.136.408	-	69.924.136.408
Các khoản ký quỹ	-	153.000.000	153.000.000
	<b>124.739.581.187</b>	<b>153.000.000</b>	<b>124.892.581.187</b>
<b>31/12/2013</b>			
Vay ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.581.265.425	-	6.581.265.425
Chi phí phải trả	8.241.152.343	-	8.241.152.343
	<b>15.122.417.768</b>	<b>-</b>	<b>15.122.417.768</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>109.617.163.419</b>	<b>153.000.000</b>	<b>109.770.163.419</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.885.713.980	-	23.885.713.980
Phải thu khách hàng	98.973.687.722	-	98.973.687.722
Các khoản ký quỹ	-	153.000.000	153.000.000
	<b>122.859.401.702</b>	<b>153.000.000</b>	<b>123.012.401.702</b>
<b>31/12/2012</b>			
Vay ngắn hạn	3.288.826.179	-	3.288.826.179
Phải trả người bán và phải trả khác	11.661.902.533	-	11.661.902.533
Chi phí phải trả	10.756.779.287	-	10.756.779.287
	<b>25.707.507.999</b>	<b>-</b>	<b>25.707.507.999</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>97.151.893.703</b>	<b>153.000.000</b>	<b>97.304.893.703</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ sở hữu
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhiệt điện 2	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 1	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 5	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 6	Công ty cùng Tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Danh sách các bên liên quan (tiếp theo)****Bên liên quan**

Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2  
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4  
Ban QLDA vay vốn ADB  
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4  
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa  
Công ty Cổ phần ĐTPĐ Điện Miền Trung  
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế  
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình  
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh  
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam  
Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2  
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh  
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ  
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ  
Công ty Lưới điện Cao Thế Miền Trung  
Công ty CP Thủy Điện A Vương  
Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM  
Công ty Thủy Điện Sông Tranh  
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp  
Công ty Mua bán điện (EPTC)  
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ  
Công ty Thủy điện Trị An  
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng  
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ  
Công ty TNHH MTV - TCT phát điện 3  
Công ty Truyền tải Điện 1  
Công ty Truyền tải Điện 2  
Công ty Truyền tải Điện 3  
Công ty Truyền tải Điện 4  
Công ty TV Xây dựng điện 2  
Điện lực Bình Dương  
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia  
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)  
Trung tâm Tư vấn Xây dựng Điện - HCM PC  
Trung tâm Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Công ty Trung tâm Viễn thông Điện lực

**Mối quan hệ**

Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	34.662.318.743	45.967.440.260
Ban QLDA Thủy điện 1	3.233.997.400	15.948.578.150
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	2.955.189.421	15.716.450.886
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	11.223.553.712	12.230.218.189
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	3.723.961.091	12.029.421.092
Ban QLDA Thủy điện 6	11.586.753.766	8.895.120.298
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	3.901.027.255	7.153.940.141
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	4.854.426.846	5.898.801.519
Công ty Truyền tải Điện 4	7.177.568.574	3.488.336.381
Công ty Thủy Điện Sông Tranh	-	3.018.778.751
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	5.471.086.607	2.963.907.295
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.449.768.202	2.339.614.613
Ban QLDA Thủy điện 5	-	2.143.289.687
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1.909.352.861	1.373.949.544
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	1.057.475.826
Công ty Truyền tải Điện 3	3.645.589.871	880.850.876
Công ty Thủy điện Trị An	780.000.000	866.000.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	495.565.455	557.597.273
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	-	535.004.004
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	502.562.745
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	385.996.637	487.255.193
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	-	455.431.525
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	2.055.703.075	398.307.454
Ban QLDA Nhiệt điện 3	10.939.391.027	312.283.636
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.462.112.984	177.272.727
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	174.427.845
Ban QLDA Nhiệt điện 2	293.760.000	78.956.037
Công ty Truyền tải Điện 1	-	42.019.293
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia	-	420.756
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	1.403.454.546	-
Công ty TNHH MTV - TCT phát điện 3	1.125.568.011	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	4.187.777.029	-
Công ty Lưới điện Cao Thế Miền Trung	235.422.903	-
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	328.689.758	-
Công ty CP Thủy Điện A Vương	746.784.545	-
Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM	534.526.365	-
Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.914.616.930	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	4.514.230.563	-
Công ty Truyền tải Điện 2	9.090.909	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	472.727.273	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	196.342.549	-
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai	110.793.953	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	253.608.737	-
<b>Chia cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>2.473.735.500</u>	<u>3.298.314.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>1.727.387.547</u>	<u>1.995.539.224</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
<b>Phải thu</b>		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	6.089.123.295	37.860.471.206
Ban QLDA Thủy điện 1	1.783.145.975	9.211.078.012
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	4.425.556.524	8.405.771.024
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	3.138.704.549	3.006.126.749
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	3.287.806.388	2.847.588.851
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	890.923.117	1.914.263.193
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	2.497.557.968	1.856.182.608
Ban QLDA Thủy điện 6	8.174.994.307	1.758.910.589
Ban QLDA Thủy điện 3	-	1.736.424.322
Ban QLDA Nhiệt điện 2	1.803.920.622	1.480.784.622
Công ty Truyền tải Điện 2	985.588.569	1.168.655.555
Công ty Thủy điện Trị An	858.000.000	952.600.000
Ban QLDA Thủy điện 5	-	725.335.264
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	1.345.776.666	521.886.916
Ban QLDA các Công trình điện tỉnh Đồng Nai	478.581.205	509.085.815
Công ty Truyền tải Điện 3	-	507.987.751
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	2.676.605.807	481.888.070
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	875.068.000	479.128.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	941.542.868	445.977.413
Công ty Truyền tải Điện 1	-	213.688.222
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	770.421.411	207.091.690
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	1.752.624.057	156.573.704
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	30.550.656	152.650.147
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	-	140.974.677
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	112.000.000
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.147.313.709	14.246.200
Ban QLDA vay vốn ADB	-	1.410.549
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	36.155.874	-
Công ty CP Thủy điện A Vương	821.463.000	-
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	217.478.923	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	13.285.938	-
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	520.000.000	-
Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	587.979.002	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1.186.477.314	-
Công ty TV Xây dựng điện 2	<u>507.373.636</u>	-

500-002  
NHÂN  
HỌ TÊN  
HIỆN HỮU  
OITTE  
T NAM  
P. HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

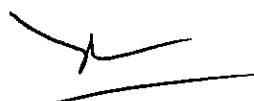
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (tiếp theo):

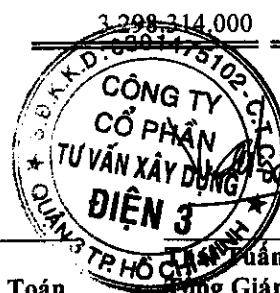
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Người mua ứng tiền trước</b>		
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	22.447.269.542	8.949.262.097
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	1.051.335.393	4.442.987.971
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	2.008.932.026	3.042.467.737
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	1.218.821.111	1.690.674.750
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.415.526.180	1.096.804.443
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	-	827.479.574
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	763.405.402
Công ty Mua Bán điện (EPTC)	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	211.500.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Điện Miền Trung	-	207.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	-	143.095.004
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	113.403.000	113.403.000
Ban QLDA lưới điện tỉnh Đồng Nai	87.386.000	87.386.000
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	29.792.000	76.605.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	-	61.900.000
Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
Trung tâm Tư vấn Xây dựng Điện - HCM PC	12.899.005	12.899.005
CN Tổng công ty TTĐ Quốc Gia - CtyTTĐ4	955.957	-
Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung	297.139.271	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh	438.150.462	-
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	562.000.000	-
Ban QLDA thủy điện 1	248.280.538	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	<u>12.500.000</u>	<u>12.500.000</u>
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	60.824.300
<b>Ứng trước cho người bán</b>		
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	1.350.500.000
Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Công ty Trung tâm Viễn thông Điện lực	-	29.000.000
<b>Phải trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>3.298.314.000</u>	<u>6.596.628.000</u>



Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu



Phạm Hoàng Vinh  
Trưởng phòng Tài chính Kế Toán



Phạm Hoàng Vinh  
Trưởng phòng Tài chính Kế Toán  
Ngày 10 tháng 3 năm 2014